TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73** /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hải Hưng
2. Bà Nguyễn Bé Bảy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984
Địa chỉ cư trú: Ấp 08, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978
Địa chỉ cư trú: Ấp 08, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh vào năm 2012. Quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, do anh T không chung thủy. Ngày 12 tháng 4 năm 2017 chị L nộp Đơn khởi kiện xin ly hôn. Đơn đề ngày 16 tháng 11 năm 2016 với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết cho chị L ly hôn với anh T; Con chung tên Nguyễn Linh Đ sinh ngày 01-10-2004 và Nguyễn Quốc Th sinh ngày 09-5-2009, chị L chấp nhận tùy theo nguyện vọng của con, còn anh T yêu cầu được nuôi hai con chung. Tài sản chung chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia; Nợ chung hiện nay các chủ nợ chưa yêu cầu nên chị L, anh T không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Việc vắng mặt bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh Triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T không đến, việc vắng mặt của anh T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Hôn nhân*: Chị L và anh T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh năm 2012, hôn nhân tự nguyện. Như vậy, quan hệ vợ chồng chị L và anh T được xác lập từ năm 2003, do mâu thuẫn vợ chồng, nay chị L xin ly hôn. Lý do chị L xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng chứ không nguyên nhân nào khác. Nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng là do anh T không chung thủy. Anh T thừa nhận anh có lỗi với chị L nhưng anh đã chấm dứt quan hệ với người con gái khác cách nay đã 04 năm. Mặc dù anh T cho rằng đã chấm dứt quan hệ trai gái với người khác nhưng chị L không tin. Từ sự mất lòng tin này đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc. Mặc dù hiện tại anh chị sống chung trong một nhà nhưng lại không quan tâm chăm sóc gì đến nhau đã hơn 01 năm. Điều này đã chứng minh anh chị không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể tồn tại và kéo dài; Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] *Con chung:* Nguyễn Linh Đ sinh ngày 01-10-2004 và Nguyễn Quốc Th sinh ngày 09-5-2009. Chị L, anh T đều có đủ điều kiện nuôi con chung như nhau, nhưng theo nguyện vọng của con thì Nguyễn Linh Đ yêu cầu được ở với anh T, còn Nguyễn Quốc Th yêu cầu được ở với chị Lê Thị L. Tại khoản 2 Điều 81 – Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Con từ đủ 07 tuổi trở lên Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi phải xem xét nguyện vọng của con. Do đó, giao Nguyễn Quốc Th cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn Linh Đ cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng cho con: Chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không giải quyết trong vụ án này.

[4] *Tài sản chung*: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Anh T cho rằng có nợ chung nhưng hiện nay các chủ nợ chưa có yêu cầu đòi nợ, khi nào các chủ nợ yêu cầu đòi nợ anh sẽ đặt ra để Tòa án xem xét ở một vụ án khác; Do đó, về nợ chung Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[6] *Án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định là 300.000 đồng. Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do đó chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: [1] Hôn nhân: Chị Lê Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] *Con chung:* Giao Nguyễn Quốc Th sinh ngày 09-5-2009 cho chị Lê Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Giao Nguyễn Linh Đ sinh ngày 01-10-2004 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0011327 ngày 12 – 4 – 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trịnh Xuân Miễn

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Khánh An;
- VKSND huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.